



CÔNG TY CP ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG PHƯỚC MỸ
169 Lê Thiết-P.Phú Thọ Hòa-Q.Tân Phú-Tp. Hồ Chí Minh MST: 0314187951
Tel: 0905.729.928 Hotline: 0963.114.268
TK: 1001.111.789.789 NH Quân Đội CN HCM
Website: www.phuocmy.com.vn Email: phuocmycodien@gmail.com

BẢNG BÁO GIÁ MÁY BIẾN ÁP THIBIDI

Kính gửi:	Ngày	13/5/2020
Người nhận:	Người gửi	Mr Sơn
Điện thoại:	Điện thoại	0963.114.268
Fax	Số báo giá	20200513/PM
Email:	Email	phuocmycodien@gmail.com
Dự án:		

Công ty cổ phần Điện và Chiếu Sáng Phước Mỹ trân trọng gửi đến quý khách hàng bảng báo giá như sau:

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	Đơn giá (VNĐ)	Ghi Chú
ECOTRANS-TC: 6945/QĐ-EVNCP						
1	1 PHA	15 kVA-22/0,23kV	52	213	19,770,240	HÀNG MỚI 100% BẢO HÀNH 5 NĂM GIAO HÀNG TẠI CÔNG TRÌNH (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT và thí nghiệm)
2		25 kVA-22/0,23kV	67	333	25,257,960	
3		37,5 kVA-22/0,23kV	92	420	31,503,360	
4		50 kVA-22/0,23kV	108	570	37,176,720	
5		75 kVA-22/0,23kV	148	933	49,096,320	
6		100 kVA-22/0,23kV	192	1305	58,177,560	
1	3 PHA	30 kVA-22/0,4kV	110	500	54,333,720	
2		50 kVA-22/0,4kV	150	650	68,169,360	
3		75 kVA-22/0,4kV	190	1000	79,387,560	
4		100 kVA-22/0,4kV	205	1250	85,563,240	
5		160 kVA-22/0,4kV	280	1940	98,338,800	
6		180 kVA-22/0,4kV	315	2185	110,638,920	
7		250 kVA-22/0,4kV	340	2600	141,309,000	
8		320 kVA-22/0,4kV	390	3330	170,532,600	
9		400 kVA-22/0,4kV	433	3818	199,180,800	
10		560 kVA-22/0,4kV	580	4810	228,281,760	
11		630 kVA-22/0,4kV	780	5570	236,055,960	
12		750 kVA-22/0,4kV	855	6725	250,808,880	
13		800 kVA-22/0,4kV	880	6920	267,550,080	
14		1000 kVA-22/0,4kV	980	8550	318,475,680	
15		1250 kVA-22/0,4kV	1020	10690	375,802,605	
16		1500 kVA-22/0,4kV	1223	12825	439,031,880	
17		1600 kVA-22/0,4kV	1305	13680	444,023,160	
18		2000 kVA-22/0,4kV	1500	17100	531,903,120	
STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	Đơn giá (VNĐ)	Ghi Chú
ECOTRANS-TC: 2608/QĐ-EVNCP						
1	1 PHA	15 kVA-12,7/0,23kV	52	213	19,009,200	HÀNG MỚI 100% BẢO HÀNH 5 NĂM GIAO HÀNG TẠI CÔNG TRÌNH (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT và thí nghiệm)
2		25 kVA-12,7/0,23kV	67	333	24,348,240	
3		37,5 kVA-12,7/0,23kV	92	420	30,366,000	
4		50 kVA-12,7/0,23kV	108	570	35,837,760	
5		75 kVA-12,7/0,23kV	148	933	47,328,960	
6		100 kVA-12,7/0,23kV	192	1305	56,080,920	
1		100 kVA-22/0,4kV	205	1250	85,563,240	
2		160 kVA-22/0,4kV	280	1940	98,338,800	
3		180 kVA-22/0,4kV	315	2185	110,638,920	
4		250 kVA-22/0,4kV	340	2600	141,309,000	
5		320 kVA-22/0,4kV	390	3330	170,532,600	
6		400 kVA-22/0,4kV	433	3818	199,180,800	
7		560 kVA-22/0,4kV	580	4810	228,281,760	
8		630 kVA-22/0,4kV	780	5570	236,055,960	
9		750 kVA-22/0,4kV	855	6725	250,808,880	
10		800 kVA-22/0,4kV	880	6920	267,550,080	
11		1000 kVA-22/0,4kV	980	8550	318,475,680	
12		1250 kVA-22/0,4kV	1020	10690	375,802,605	

13		1500 kVA-22/0,4kV	1223	12825	439,031,880	
14		1600 kVA-22/0,4kV	1305	13680	444,023,160	
15		2000 kVA-22/0,4kV	1500	17100	531,903,120	
STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	Đơn giá (VNĐ)	Ghi Chú
ECOTRANS-TC: 62/QĐ-EVNCP						
1	1 PHA	15 kVA-22/0,23kV	52	213	19,770,240	HÀNG MỚI 100% BẢO HÀNH 5 NĂM GIAO HÀNG TẠI CÔNG TRÌNH (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT và thí nghiệm)
2		25 kVA-22/0,23kV	67	333	25,257,960	
3		37,5 kVA-22/0,23kV	92	420	31,503,360	
4		50 kVA-22/0,23kV	108	570	37,176,720	
5		75 kVA-22/0,23kV	148	933	49,096,320	
6		100 kVA-22/0,23kV	192	1305	58,177,560	
1	3 PHA	30 kVA-22/0,4kV	110	500	54,333,720	
2		50 kVA-22/0,4kV	150	650	68,169,360	
3		75 kVA-22/0,4kV	190	1000	79,387,560	
4		100 kVA-22/0,4kV	205	1250	85,563,240	
5		160 kVA-22/0,4kV	280	1940	98,338,800	
6		180 kVA-22/0,4kV	315	2185	110,638,920	
7		250 kVA-22/0,4kV	340	2600	141,309,000	
8		320 kVA-22/0,4kV	390	3330	170,532,600	
9		400 kVA-22/0,4kV	433	3818	199,180,800	
10		560 kVA-22/0,4kV	580	4810	228,281,760	
11		630 kVA-22/0,4kV	780	5570	236,055,960	
12		750 kVA-22/0,4kV	855	6725	250,808,880	
13		800 kVA-22/0,4kV	880	6920	267,550,080	
14		1000 kVA-22/0,4kV	980	8550	318,475,680	
15		1250 kVA-22/0,4kV	1020	10690	375,802,605	
16		1500 kVA-22/0,4kV	1223	12825	439,031,880	
17		1600 kVA-22/0,4kV	1305	13680	444,023,160	
18		2000 kVA-22/0,4kV	1500	17100	531,903,120	
STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	Đơn giá (VNĐ)	Ghi Chú
AMORPHOUS ECOTRANS-TC: 6945/QĐ-EVNCP						
1	1 PHA	15 kVA-22/0,23kV	17	213	24,315,480	HÀNG MỚI 100% BẢO HÀNH 5 NĂM GIAO HÀNG TẠI CÔNG TRÌNH (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT và thí nghiệm)
2		25 kVA-22/0,23kV	22	333	30,310,560	
3		37,5 kVA-22/0,23kV	31	420	37,803,360	
4		50 kVA-22/0,23kV	36	570	44,611,560	
5		75 kVA-22/0,23kV	49	933	56,952,000	
6		100 kVA-22/0,23kV	64	1305	67,485,600	
1	3 PHA	30 kVA-22/0,4kV	40	490	63,026,880	
2		50 kVA-22/0,4kV	56	650	79,076,760	
3		75 kVA-22/0,4kV	68	1000	92,090,040	
4		100 kVA-22/0,4kV	75	1250	99,253,560	
5		160 kVA-22/0,4kV	95	1940	113,993,040	
6		180 kVA-22/0,4kV	115	2185	128,341,080	
7		250 kVA-22/0,4kV	125	2600	163,805,040	
8		320 kVA-22/0,4kV	145	3330	197,681,400	
9		400 kVA-22/0,4kV	165	3820	231,050,400	
10		560 kVA-22/0,4kV	220	4810	264,807,480	
11		630 kVA-22/0,4kV	270	5570	273,635,040	
12		750 kVA-22/0,4kV	290	6725	290,738,280	
13		800 kVA-22/0,4kV	315	6920	310,359,000	
14		1000 kVA-22/0,4kV	350	8550	371,388,360	
15		1250 kVA-22/0,4kV	420	10690	438,884,880	
16		1500 kVA-22/0,4kV	470	12850	509,276,880	
17		1600 kVA-22/0,4kV	490	13680	514,711,680	
18		2000 kVA-22/0,4kV	580	171000	632,664,480	
STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	Đơn giá (VNĐ)	Ghi Chú
AMORPHOUS ECOTRANS-TC: 2608/QĐ-EVNCP						
1	1 PHA	15 kVA-12,7/0,23kV	17	213	23,473,800	
2		25 kVA-12,7/0,23kV	22	333	29,537,760	
3		37,5 kVA-12,7/0,23kV	31	420	36,508,080	

4		50 kVA-12,7/0,23kV	36	570	41,506,920	HÀNG MỚI 100% BẢO HÀNH 5 NĂM GIAO HÀNG TẠI CÔNG TRÌNH (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT và thí nghiệm)
5		75 kVA-12,7/0,23kV	49	933	54,816,720	
6		100 kVA-12,7/0,23kV	64	1305	64,953,840	
1		100 kVA-22/0,4kV	75	1258	99,253,560	
2		160 kVA-22/0,4kV	95	1940	113,993,040	
3		180 kVA-22/0,4kV	115	2185	128,341,080	
4		250 kVA-22/0,4kV	125	2600	163,805,040	
5		320 kVA-22/0,4kV	145	3330	197,681,400	
6		400 kVA-22/0,4kV	165	3818	231,050,400	
7		560 kVA-22/0,4kV	220	4810	264,807,480	
8		630 kVA-22/0,4kV	270	5570	273,635,040	
9		750 kVA-22/0,4kV	290	6725	290,738,280	
10		800 kVA-22/0,4kV	310	6920	310,359,000	
11		1000 kVA-22/0,4kV	350	8550	371,388,360	
12		1250 kVA-22/0,4kV	420	10690	438,884,880	
13		1500 kVA-22/0,4kV	470	12825	509,276,880	
14		1600 kVA-22/0,4kV	490	13680	514,711,680	
15		2000 kVA-22/0,4kV	580	17100	632,664,480	
STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	Đơn giá (VNĐ)	Ghi Chú
AMORPHOUS ECOTRANS-TC: 62/QĐ-EVNSPC						
1	1 PHA	15 kVA-12,7/0,23kV	17	213	23,473,800	HÀNG MỚI 100% BẢO HÀNH 5 NĂM GIAO HÀNG TẠI CÔNG TRÌNH (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT và thí nghiệm)
2		25 kVA-12,7/0,23kV	22	333	29,537,760	
3		37,5 kVA-12,7/0,23kV	31	420	36,508,080	
4		50 kVA-12,7/0,23kV	36	570	41,506,920	
5		75 kVA-12,7/0,23kV	49	933	54,816,720	
6		100 kVA-12,7/0,23kV	64	1305	64,953,840	
1		50 kVA-22/0,4kV	56	650	79,076,760	
2		75 kVA-22/0,4kV	68	1000	92,090,040	
3		100 kVA-22/0,4kV	75	1258	99,253,560	
4		160 kVA-22/0,4kV	95	1940	113,993,040	
5		180 kVA-22/0,4kV	115	2185	128,341,080	
6		250 kVA-22/0,4kV	125	2600	163,805,040	
7		320 kVA-22/0,4kV	145	3330	197,681,400	
8		400 kVA-22/0,4kV	165	3818	231,050,400	
9		560 kVA-22/0,4kV	220	4810	264,807,480	
10		630 kVA-22/0,4kV	270	5570	273,635,040	
11		750 kVA-22/0,4kV	290	6725	290,738,280	
12		800 kVA-22/0,4kV	310	6920	310,359,000	
13		1000 kVA-22/0,4kV	350	8550	371,388,360	
14		1250 kVA-22/0,4kV	420	10690	438,884,880	
15		1500 kVA-22/0,4kV	470	12825	509,276,880	
16		1600 kVA-22/0,4kV	490	13680	514,711,680	
17		2000 kVA-22/0,4kV	580	17100	632,664,480	

CÔNG TY CP ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG PHƯỚC MỸ